

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên từ ngày 15/7/2009 và Chủ tịch từ ngày 24/7/2009
Ông Nguyễn Hữu Phẩm	Chủ tịch (Thôi giữ chức vụ từ ngày 15/7/2009)
Ông Hà Duy Dĩnh	Ủy viên
Ông Chu Xuân Lai	Ủy viên
Ông Tạ Bá Long	Ủy viên
Ông Kiều Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Chu Xuân Lai	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ ngày 24/7/2009)
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Chu Xuân Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2010

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tại ngày 31/12/2008, Công ty chưa ghi nhận dự phòng giảm giá đối với một số khoản đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn chưa niêm yết và một số khoản đầu tư dài hạn khác đã có dấu hiệu suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán với giá trị ước tính khoảng 69 tỷ VND. Nếu ghi nhận dự phòng giảm giá các khoản đầu tư theo quy định tại ngày 31/12/2008, thu nhập trước thuế năm 2008 sẽ giảm khoảng 69 tỷ VND và thu nhập trước thuế năm 2009 sẽ tăng thêm với số tiền tương ứng.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng do các vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.387.535.109.268	951.037.770.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.403.025.601	121.005.356.356
1. Tiền	111		11.403.025.601	24.005.356.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.000.000.000	97.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.254.911.313.588	798.721.655.676
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.310.492.212.603	813.417.060.936
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(55.580.899.015)	(14.695.405.260)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.506.734.432	29.405.857.227
1. Phải thu của khách hàng	131	6	47.138.844.637	21.787.702.594
2. Trả trước cho người bán	132		1.503.914.901	-
3. Các khoản phải thu khác	135	7	10.863.974.894	7.618.154.633
IV. Hàng tồn kho	140		15.348.182	-
1. Hàng tồn kho	141		15.348.182	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.698.687.465	1.904.901.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.422.777.663	117.369.031
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		686.309.160	196.821.272
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.916.362	992.254.709
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.578.684.280	598.456.280
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.709.122.131	431.816.195.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		577.164.544	120.422.500
1. Phải thu dài hạn khác	218		577.164.544	120.422.500
II. Tài sản cố định	220		25.815.697.874	2.784.856.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.240.549.988	2.616.759.802
- Nguyên giá	222		5.887.551.340	3.417.308.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.647.001.352)	(800.548.521)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.019.376.848	103.187.634
- Nguyên giá	228		12.281.404.111	165.347.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.027.263)	(62.159.516)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	9.555.771.038	64.909.090
III. Bất động sản đầu tư	240		2.250.000.000	-
- Nguyên giá	241	11	2.250.000.000	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		299.597.250.704	428.512.475.400
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	18.800.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	282.957.250.704	412.573.925.400
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(2.160.000.000)	(14.061.450.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		469.009.009	398.441.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		445.505.950	372.001.665
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.503.059	26.439.606
TỔNG TÀI SẢN	270		1.716.244.231.399	1.382.853.966.248

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.396.628.759.619	1.078.576.105.775
I. Nợ ngắn hạn	310		996.547.316.660	678.536.517.861
1. Phải trả cho người bán	312	14	100.468.628.921	99.383.951.696
2. Người mua trả tiền trước	313		175.610	175.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		185.317.525	442.695.707
4. Phải trả người lao động	315		4.048.459.583	1.372.694.562
5. Chi phí phải trả	316		117.504.613	105.758.424
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	891.727.230.408	577.231.241.862
II. Nợ dài hạn	330		400.081.442.959	400.039.587.914
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	400.000.000.000	400.000.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		81.442.959	39.587.914
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		319.615.471.780	304.277.860.473
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	318.432.442.624	304.432.320.447
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.994.155	496.425.024
3. Quỹ dự trữ bắt buộc bổ sung vốn điều lệ	418		1.025.997.077	248.212.512
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.354.451.392	3.687.682.911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.183.029.156	(154.459.974)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.183.029.156	(154.459.974)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.716.244.231.399	1.382.853.966.248

Đoàn Thanh Nhân
Người lập

Lê Xuân Tân
Kế toán trưởng

Chu Xuân Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009***MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	10.898.421.646	37.520.992.248
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.898.421.646	37.520.992.248
4. Giá vốn hàng bán	11		-	23.090.909.000
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.898.421.646	14.430.083.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	237.208.722.531	135.436.576.475
<i>Trong đó: Lãi tiền gửi</i>			<i>55.807.046.887</i>	<i>57.818.333.393</i>
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	20	207.980.762.933	132.499.873.227
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>113.018.940.730</i>	<i>50.207.086.258</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.847.413.401	18.124.189.715
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		16.278.967.843	(757.403.219)
11. Thu nhập khác	31		263.113.156	836.867.150
12. Chi phí khác	32		2.114.798	801.031
13. Lợi nhuận khác	40		260.998.358	836.066.119
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.539.966.201	78.662.900
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	981.338.347	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.936.547	14.167.674
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.555.691.307	64.495.226
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	518,52	2,61

Đoàn Thanh Nhân
 Người lập

Lê Xuân Tân
 Kế toán trưởng

Chu Xuân Lai
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	16.539.966.201	78.662.900
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.046.320.578	742.299.596
Các khoản dự phòng	03	29.025.898.800	28.121.455.260
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(194.242.099.550)	(4.934.120.500)
Chi phí lãi vay	06	113.018.940.730	50.207.086.258
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(34.610.973.241)	74.215.383.514
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.408.842.307)	(8.047.440.718)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.348.182)	-
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	90.991.578.992	356.891.813.188
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.378.912.917)	(117.801.103)
Tiền lãi vay đã trả	13	113.018.940.730	(37.357.437.147)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(218.080.000)	(611.962.230)
<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	158.378.363.075	384.972.555.504
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(23.327.161.926)	(2.176.879.721)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.017.261.159.404)	(598.590.925.936)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.520.186.007.737	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.440.000.000)	(365.612.125.400)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	189.256.674.696	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	172.604.945.067	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(209.980.693.830)	(966.379.931.057)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận góp vốn chủ sở hữu	31	-	8.037.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	187.852.532.718	541.262.522.860
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(187.852.532.718)	(141.262.522.860)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	408.037.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(51.602.330.755)	(173.370.375.553)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	121.005.356.356	294.375.731.909
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	69.403.025.601	121.005.356.356

Đoàn Thanh Nhân
Người lậpLê Xuân Tân
Kế toán trưởngChu Xuân Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103017707 ngày 01 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2007 và sửa đổi lần 5 ngày 27 tháng 10 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 75 người (31 tháng 12 năm 2008: 67).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Đầu tư thực hiện việc sáp nhập doanh nghiệp; Khai thác khoáng sản và kinh doanh các mặt hàng khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm); Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính); Tư vấn về cổ phần hóa (không bao gồm dịch vụ về tư vấn pháp luật); Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính); Tư vấn cung cấp, giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra); Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp; Tư vấn chiến lược truyền thông; Môi giới, xúc tiến thương mại; Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường; Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quan hệ công chúng; Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại; Đầu tư trực tiếp, nhận ủy thác đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Đại lý bảo hiểm; Tư vấn, đấu giá bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Môi giới bất động sản; và định giá bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản ủy thác đầu tư có thời hạn thu hồi dưới 3 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các chứng khoán đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống UPCom tại ngày lập dự phòng. Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi các công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, bao gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình, Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta, Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall. Đối với các khoản góp vốn đầu tư dài hạn, Công ty thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư mà Công ty không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, được trình bày theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá của các chứng khoán tự doanh được ghi nhận vào chi phí của Công ty trong các giao dịch chứng khoán. Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và giá trị trang web. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được phân bổ giá trị hao mòn theo thời gian được cấp phép sử dụng, các tài sản cố định khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động nhận ủy thác đầu tư là phí ủy thác đầu tư được hưởng và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu từ hoạt động mua bán chứng khoán có kỳ hạn được xác định là chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua ban đầu.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	762.747.023	615.084.809
Tiền gửi ngân hàng	10.640.278.578	23.390.271.547
Tương đương tiền	58.000.000.000	97.000.000.000
	69.403.025.601	121.005.356.356

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh	290.728.653.962	475.266.000.001
Cổ phiếu chưa niêm yết - OTC (i)	14.097.600.000	321.075.300.000
Cổ phiếu đã niêm yết	249.631.053.962	84.505.700.001
Tiền gửi có kỳ hạn	27.000.000.000	69.685.000.000
Đầu tư góp vốn	-	28.200.000.000
Đầu tư khác	1.019.763.558.642	309.951.060.935
Hợp tác đầu tư chứng khoán thu lãi số định (ii)	586.108.090.000	-
Mua bán kỳ hạn	-	143.171.979.000
Ủy thác quản lý vốn hưởng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro (iii)	197.566.036.000	157.837.331.935
Cổ phiếu của người ủy thác đầu tư (iv)	223.380.257.735	-
Khách hàng trả chậm ủy thác mua cổ phần PVFC	-	8.941.750.000
Đầu tư ngắn hạn khác (v)	12.709.174.907	-
	1.310.492.212.604	813.417.060.936
Trừ : Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(55.580.899.016)	(14.695.405.260)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết	(55.580.899.016)	(12.606.730.255)
Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết	-	(1.708.694.000)
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	-	(379.981.005)
Đầu tư ngắn hạn ròng	1.254.911.313.588	798.721.655.676

- (i) Cổ phiếu chưa niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh giá trị khoản đầu tư vào một số cổ phiếu với giá mua cao hơn mệnh giá. Tại ngày báo cáo tài chính này, không có các thông tin về các giao dịch cổ phiếu này trên thị trường không chính thức nên Công ty không thu thập được giá tham khảo để làm cơ sở đánh giá, trích lập dự phòng. Theo đó, các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Số dư cổ phiếu chưa niêm yết tại ngày 31/12/2008 chủ yếu là giá mua cổ phần của Công ty cổ phần Du lịch Kim Liên với tổng giá trị 300 tỷ VND đã hết thời hạn ủy thác và Công ty đã thanh lý hợp đồng từ ngày 22/12/2009.

- (ii) Số dư khoản mục “Hợp tác đầu tư chứng khoán thu lãi cố định” phản ánh giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết Công ty hợp tác với đối tác là các cá nhân thông qua các công ty chứng khoán để cùng thực hiện đầu tư một số mã chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán (HOSE) và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Theo thỏa thuận tại các hợp đồng, Công ty được hưởng lợi nhuận với mức lãi suất cố định được duy trì trong suốt thời hạn hợp tác đầu tư và Công ty có quyền yêu cầu đối tác mua lại số chứng khoán mà Công ty đã hợp tác đầu tư, Công ty là bên duy nhất có quyền được giải tỏa chứng khoán và có quyền bán chứng khoán hợp tác đầu tư để thu hồi vốn khi giá chứng khoán hợp tác đầu tư trên sàn niêm yết giảm 30% so với giá niêm yết tại các thời điểm ký kết hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (iii) “Ủy thác đầu tư”, phản ánh số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư Công ty thực hiện ủy thác cho các đối tác với thời hạn ủy thác dưới 12 tháng (đáo hạn trong năm 2010) và Công ty được hưởng lãi suất cố định, không chia sẻ rủi ro.
- (iv) “Cổ phiếu của người ủy thác đầu tư”, phản ánh số dư giá trị đầu tư Công ty thực hiện đầu tư thay cho nhà ủy thác. Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng phí ủy thác đầu tư, có chia sẻ một phần lợi nhuận (phụ thuộc vào kết quả đầu tư) nhưng không chia sẻ rủi ro với nhà đầu tư.
- (v) Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu phản ánh số tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của một nhân viên nhận ủy thác đầu tư từ Công ty để đầu tư chứng khoán trên sàn giao dịch. Công ty chịu toàn bộ rủi ro và hưởng lợi ích liên quan tới các chứng khoán đầu tư. Tại 31/12/2009, Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro cho một số khoản đầu tư từ tài khoản ủy thác này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm 10.759.991.003 đồng khoản gốc và lãi phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản phát sinh năm trước (số dư tại 31/12/2008 là 18.448.000.000 đồng). Khoản phải thu này đã đến hạn thanh toán từ cuối năm 2008 nhưng hai bên đã có công văn gia hạn nhiều lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này do ngày 30 tháng 12 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TM-XD-Kinh doanh Nhà Tân Hồng Uy để mua lại 08 căn hộ với tổng giá trị 14.035.980.000 đồng để bù trừ khoản công nợ nêu trên, 08 căn hộ này đã được bàn giao trong năm 2010.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trả trước cho Công ty xây dựng khi nhận lại dự án đầu tư tại Sapa	2.962.301.677	-
Lãi dự thu	7.569.888.776	6.460.394.308
Khác	331.784.441	1.157.760.325
	10.863.974.894	7.618.154.633

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2009	-	1.929.404.839	1.487.903.484	3.417.308.323
Tăng trong kỳ	2.330.680.000	139.563.017	-	2.470.243.017
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	2.330.680.000	2.068.967.856	1.487.903.484	5.887.551.340
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01/01/2009	-	334.099.081	466.449.440	800.548.521
Khấu hao trong kỳ	-	510.927.009	335.525.822	846.452.831
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	-	845.026.090	801.975.262	1.647.001.352
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2009	2.330.680.000	1.223.941.766	685.928.222	4.240.549.988
Tại ngày 01/01/2009	-	1.595.305.758	1.021.454.044	2.616.759.802

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2009	-	125.347.150	40.000.000	165.347.150
Tăng trong kỳ (*)	11.431.856.461	684.200.500	-	12.116.056.961
Tại ngày 31/12/2009	11.431.856.461	809.547.650	40.000.000	12.281.404.111
Khấu hao				
Tại ngày 01/01/2009	-	43.826.172	18.333.344	62.159.516
Hao mòn trong kỳ	-	186.534.403	13.333.344	199.867.747
Tại ngày 31/12/2009	-	230.360.575	31.666.688	262.027.263
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2009	-	81.520.978	21.666.656	103.187.634
Tại ngày 31/12/2009	11.431.856.461	579.187.075	8.333.312	12.019.376.848

(*): Quyền sử dụng đất phát sinh trong kỳ phản ánh giá trị chi phí Công ty phải bỏ ra để có được quyền sử dụng lô đất tại Sa Pa, Lào Cai. Lô đất sẽ được sử dụng để xây dựng Khách sạn Sao Phương Bắc. Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất nêu trên ngày từ ngày 27/07/2009.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Dự án Khách sạn Sao Phương Bắc - Sapa	9.555.771.038	-
Các công trình khác	-	64.909.090
	9.555.771.038	64.909.090

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị ngôi nhà Công ty đã mua tại Đà Nẵng đầu tư với mục đích cho thuê.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Dự án Khách sạn sao Phương Bắc (i)	-	30.000.000.000
Đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ	18.800.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
Tổng số vốn đã góp	56.000.000.000	-
Số vốn góp theo hợp đồng ủy thác đầu tư (ii)	(37.200.000.000)	-

(i) Khoản đầu tư vào Dự án Khách sạn Sao Phương Bắc phản ánh giá trị vốn góp của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Hải Tùng thực hiện Dự án xây dựng và kinh doanh Khách sạn “Sao Phương Bắc” tại thị trấn Sapa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Trong năm, Công ty TNHH Hải Tùng đã chuyển nhượng cho Công ty toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH Hải Tùng trong liên doanh này. Theo đó, Công ty đã phân loại sang khoản mục tài sản cố định vô hình (tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất) và khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty (tương ứng với giá trị xây lắp đã thực hiện).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ, Công ty góp 75% vốn điều lệ, tương ứng 127,5 tỷ đồng. Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 46/PVFI-DRAGON/UTĐT ngày 26/8/2009 giữa Công ty và bên ủy thác - Công ty cổ phần Đầu tư Dragon Land, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền góp 45% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ cho Công ty cổ phần Đầu tư Dragon Land khi Công trình “Toàn nhà hỗn hợp cao tầng” tại 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội nghiệm thu bàn giao, đưa vào khai thác, việc chuyển nhượng thực hiện dưới hình thức Công ty cổ phần Đầu tư Dragon Land ủy thác vốn cho Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Giảng Võ và Công ty được đứng tên phần vốn góp ủy thác đầu tư trong thời hạn ủy thác. Tuy nhiên, quyết định đầu tư và quản lý vốn ủy thác theo chỉ định của Bên ủy thác. Theo đó, tại ngày 31/12/2009, vốn thực góp của Công ty vào Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ là 18 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ và được phản ánh trên tài khoản “Đầu tư vào Công ty liên kết”. Phần vốn ủy thác tương ứng 37,2 tỷ đồng đang được phản ánh tại khoản mục “Đầu tư dài hạn khác” và được trình bày tại Thuyết minh số 13.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	195.499.724.704	203.528.525.400
Cổ phiếu đã niêm yết	-	28.376.400.000
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 1 năm)	5.257.526.000	-
Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác	45.000.000.000	180.669.000.000
Đầu tư từ nguồn vốn ủy thác đầu tư vào dự án 168 Ngọc Khánh	37.200.000.000	-
	282.957.250.704	412.573.925.400
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết	(2.160.000.000)	(14.061.450.000)
Đầu tư dài hạn ròng	280.797.250.704	398.512.475.400

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết có giao dịch trên thị trường không chính thức, Công ty đã thu thập ba báo giá của các Công ty chứng khoán để làm cơ sở đánh giá, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại ngày 31/12/2009. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá và phản ánh khoản đầu tư theo giá gốc đối với các cổ phiếu chưa niêm yết không có giao dịch trên thị trường với giá trị 33.400.000.000 VND (được đầu tư theo mệnh giá), ngoại trừ trường hợp cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Phương Nam với giá trị là 14.400.000.000 VND. Mặc dù cổ phiếu này không có giá giao dịch trên thị trường, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo mức 15% trên giá gốc đầu tư ban đầu trên cơ sở đánh giá kết quả kinh doanh của Công ty này. Ban Giám đốc cũng đánh rằng giá trị suy giảm tiềm tàng của các cổ phiếu chưa niêm yết, không có giao dịch trên thị trường là không trọng yếu tại ngày 31/12/2009.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã thu thập các bằng chứng tin cậy về giá trị tài sản ròng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2009. Ban Giám đốc đánh giá giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác không suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Trong tổng số dư phải trả cho người bán tại ngày 31/12/2009 bao gồm số dư 97.539.000.000 đồng là khoản công nợ phát sinh do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng lại cho Công ty 9.753.900 cổ phần do GP Bank phát hành theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1592/HĐ-DKVN ngày 12/3/2009. Theo hợp đồng, Công ty được phép trả chậm trong vòng 3 năm kể từ ngày 8/9/2008. Lãi suất trả chậm được xác định bằng 80% tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của GP Bank và không thấp hơn 3%/năm trên thời gian thực tế trả chậm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nhận ủy thác đầu tư	840.769.167.000	559.500.000.000
Phải trả khác	50.958.063.408	17.731.241.862
	891.727.230.408	577.231.241.862

Khoản ủy thác đầu tư tại ngày 31/12/2009 chủ yếu bao gồm các hợp đồng Công ty nhận ủy thác đầu tư từ các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với lãi suất cố định (từ 5,5%/năm đến 14%/năm) và khách hàng không chia sẻ rủi ro từ các hoạt động của Công ty.

Phải trả khác phản ánh các khoản cổ tức nhận hộ chưa trả, lãi vay phải trả và các khoản khác.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2009 phản ánh số dư theo Hợp đồng Ủy thác quản lý vốn số 8007/2007 ngày 28/12/2007 giữa Công ty và bên ủy thác là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVFI được nhận ủy thác nhận số tiền là 400.000.000.000 đồng dưới hình thức ủy thác không chỉ định, không chia sẻ rủi ro và hưởng lãi suất cố định. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng 3 năm tính từ ngày PVFI nhận được tiền ủy thác (ngày 10/01/2008).

Lãi suất ủy thác = Lãi suất Tài khoản trung tâm do Vietcombank trả cho Tập đoàn + 2%/năm

Theo thông báo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, lãi suất ủy thác quản lý vốn cho năm 2009 được điều chỉnh cho cả năm là 6,8%. Phần lãi suất của các khoản trả trước hạn theo yêu cầu của Tập đoàn áp dụng mức lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm Hợp đồng có hiệu lực.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của cổ đông	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất bổ sung vốn điều lệ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2008	291.963.000.000	3.723.187.685	496.425.024	248.212.512	296.430.825.221
Tăng trong năm	8.037.000.000	-	-	-	8.037.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	64.495.226	-	-	64.495.226
Chi các quỹ	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)
Tại 31/12/2008	300.000.000.000	3.687.682.911	496.425.024	248.212.512	304.432.320.447
Lợi nhuận sau thuế	-	15.555.691.307	-	-	15.555.691.307
Phân phối quỹ	-	(3.888.922.826)	1.555.569.131	777.784.565	(1.555.569.130)
Tại 31/12/2009	300.000.000.000	15.354.451.392	2.051.994.155	1.025.997.077	318.432.442.624

Vốn góp của cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần tại 31/12/2009		Số lượng cổ phần tại 31/12/2008	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Công đoàn Dầu khí Việt nam	1.500.000	5	1.500.000	5
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.500.000	35	10.500.000	35
Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn	10.500.000	35	10.500.000	35
Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu (GP Bank)	3.300.000	11	3.300.000	11
Công ty Chứng khoán Dầu khí (PSI)	1.759.500	6	1.759.500	6
Cổ đông khác	2.440.500	8	2.440.500	8
	30.000.000	100	30.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Danh sách cổ đông sáng lập:**

Cổ đông	Cổ phần			
	Số cổ phần sở hữu		hạn chế chuyên nhượng	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Công đoàn Dầu khí Việt nam	1.500.000	5	1.500.000	5
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.500.000	35	10.500.000	35
Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu (GP Bank)	3.300.000	11	1.500.000	5
	15.300.000	51	13.500.000	45

18. DOANH THU

	2009	2008
	VND	VND
Phí quản lý vốn góp cổ phần	8.443.569.618	10.462.489.600
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	25.861.818.182
Phí ủy thác đầu giá	-	101.014.908
Phí chuyển nhượng	733.522.727	499.199.537
Khác	1.721.329.301	596.470.021
	10.898.421.646	37.520.992.248

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	36.348.721.026	52.829.477.284
Lãi về kinh doanh chứng khoán	118.262.484.189	49.281.512.677
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.272.055.872	9.701.941.830
Dự thu hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết	2.178.828.622	1.471.538.199
Dự thu lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	19.458.325.861	4.988.856.109
Thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết	40.787.794.359	17.065.991.699
Khác	900.512.602	97.258.677
	237.208.722.531	135.436.576.475

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay và phí ủy thác đầu tư	113.018.940.730	22.025.630.998
Chi phí bán chứng khoán	1.001.673.053	561.392.679
Lỗ về kinh doanh chứng khoán	54.647.821.442	55.555.949.510
Phí ủy thác đầu tư	9.337.813.741	28.181.455.260
Dự phòng giảm giá chứng khoán	28.984.043.755	26.092.780.255
Khác	990.470.212	82.664.525
	207.980.762.933	132.499.873.227

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2009	2008
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	16.539.966.201	78.662.900
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
- Thu nhập không chịu thuế	13.272.055.872	9.701.941.830
Cộng :		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.339.737.371	254.694.519
Thu nhập chịu thuế	5.607.647.700	-
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.401.911.925	-
Giảm thuế TNDN theo quy định hiện hành (*)	420.573.578	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	981.338.347	-

(*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, Công ty đủ điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa và, bởi vậy, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm 2009.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị tính	2009	2008
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	15.555.691.307	64.495.226
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	VND	15.555.691.307	64.495.226
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	Cổ phần	30.000.000	24.718.166
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/cổ phần	518,52	2,61

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu từ phí ủy thác đầu tư từ Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	41.083.500.000	-
Lãi vay và phí ủy thác đầu tư trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	32.324.675.778	-
Thu hộ Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam tiền góp cổ phần	6.083.800.000	1.010.672.777.000
Chuyển trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tiền góp cổ phần	6.083.800.000	1.005.246.513.345
Bù trừ công nợ giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	254.270.794.655
Thu nhập của Ban Giám đốc	401.848.800	377.230.548

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 2, số 23 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
<i>Tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, tổ chức tài chính</i>		
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	726.656.087	3.773.145.934

Đầu tư ngắn hạn

Ủy thác quản lý vốn tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	19.329.810.000	75.000.000.000
---	----------------	----------------

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
<i>Đầu tư dài hạn - Chứng khoán chưa niêm yết:</i>		
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	97.694.610.000	97.694.610.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	43.820.862.704	8.020.000.000
Cty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu	5.000.000.000	-

Các khoản phải trả

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - lãi tiền vay	16.038.931.080	11.656.621.333
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - chuyển nhượng cổ phiếu của GP	97.539.000.000	97.539.000.000
Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - Idico Long Sơn nhận vốn ủy thác đầu tư	36.000.000.000	36.000.000.000
Tổng Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí - nhận vốn ủy thác đầu tư	230.069.167.000	-
Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp Việt Nam - nhận vốn ủy thác đầu tư	15.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí - nhận vốn ủy	20.000.000.000	165.000.000.000
Công ty cổ phần Gas đô thị - nhận vốn ủy thác đầu tư	50.500.000.000	20.000.000.000

Vay dài hạn

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	400.000.000.000	400.000.000.000
---------------------------	-----------------	-----------------

24. CAM KẾT GÓP VỐN

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 13/1/2009 với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ, Công ty sẽ góp 75% vốn điều lệ vào liên doanh là Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ tương đương với 127,5 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện góp 56 tỷ đồng trong kỳ, phần còn lại sẽ được góp vào Liên doanh trong vòng 5 ngày kể từ ngày Liên doanh được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện dự án với thời hạn thuê đất là 50 năm.

Theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 46/PVFI-DRAGON/UTĐT ngày 26/8/2009, Công ty chuyển nhượng quyền góp 45% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dragon Land, tương đương với 76,5 tỷ đồng, việc chuyển nhượng thực hiện dưới hình thức Công ty Cổ phần Đầu tư Dragon ủy thác vốn cho Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Giảng Võ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2009
	VND
Trong vòng một năm	4.422.160.008
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.844.320.016

Cam kết thuê hoạt động phản ánh chi phí thuê văn phòng phải trả giữa Công ty và Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại theo hợp đồng thuê văn phòng ký ngày 14/12/2009. Thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 14/01/2010.

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 12/01/2010, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 01/NQ-PVFI quyết định thông qua việc tạm chi trả cổ tức năm 2009 với mức chi trả cổ tức là 5%/mệnh giá (tương ứng 500 đồng/1 cổ phần) và thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là 31/12/2009.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.
